|  |
| --- |
| **PHỤ LỤC 6** |

**KHỐI NGÀNH KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ**

**I. TRÌNH BÀY ĐA/KLTN, CĐTN**

**I.1. Hình thức trình bày**

* Cách trình bày tên và đánh số thứ tự của biểu bảng, hình vẽ, đồ thị, công thức

Tên của bảng được viết bằng cỡ chữ 13, in đứng đậm và đặt ngay phía trên, căn giữa bảng; tên của hình vẽ được viết bằng cỡ chữ 13, in đứng đậm và đặt ngay phía bên dưới, canh giữa hình. Số thứ tự công thức nằm trong hai dấu ngoặc đơn, đặt cùng hàng với công thức và canh lề phải. Nếu cần ghi chú, giải thích các ký hiệu hay chữ viết tắt có trong bảng, hình vẽ, công thức hoặc nêu các nguồn thông tin của chúng thì để ngay bên dưới các bảng, hình vẽ, công thức tương ứng. Các bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, công thức trong ĐA/KLTN hoặc CĐTN phải được đánh số thứ tự theo đúng thứ tự của chúng trong chương và có dẫn giải bằng lời để giới thiệu hoặc nhắc đến trong nội dung ĐA/KLTN hoặc CĐTN. Tham khảo các ví dụ cụ thể như sau.

Bảng 2.3 (được hiểu là bảng thứ 3 trong chương 2) dùng thống kê các chi tiết kết cấu có trong bản vẽ.

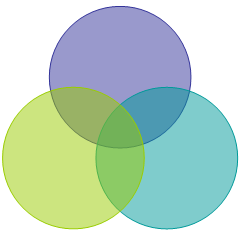
**Bảng 2.3. Thống kê các chi tiết kết cấu có trong bản vẽ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tên chi tiết** | **Quy cách (mm)** | **Vật liệu** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

Công thức (3.5) được hiểu là công thức thứ năm trong chương 3.

A + B = C (3.5)

Hình 1.2 (được hiểu là hình thứ 2 trong chương 1) biểu diễn sự giao thoa giữa ba hình tròn



**Hình 1.2. Sự giao thoa giữa ba hình tròn**

* Cách trình bày tên và đánh số thứ tự của chương, mục, đề mục, tiểu mục

Tên chương in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 15, đậm, căn lề trái, đánh thứ tự theo chữ số tự nhiên, ví dụ như Chương 1, Chương 2…

Tên các mục cấp 1 nằm trong các chương được in chữ hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13, căn lề trái, không bỏ dấu cuối tên mục, được đánh thứ tự theo số thứ tự của chương và các mục tương ứng. Ví dụ như mục 1.1 dùng để chỉ mục 1 của chương 1. Tên mục thứ nhât nằm cách tên của chương hai hàng như mô tả ở ví dụ bên dưới.

Tên các mục cấp 2 (đề mục) nằm trong các mục cấp 1 in chữ thường, đứng, đậm, cỡ chữ 13, căn lề trái, không bỏ dấu cuối tên đề mục, đánh thứ tự theo số thứ tự của chương, mục và đề mục. Ví dụ đề mục 1.1.2 dùng để chỉ đề mục 2, nằm trong mục 1 của chương 1

Tên các mục cấp 3 (tiểu mục) nằm trong đề mục in chữ thường, chữ nghiêng, đậm, cỡ chữ 13, căn lề trái, không bỏ dấu cuối tên tiểu mục, đánh số thứ tự thành nhóm nhiều nhất gồm 4 chữ số, với số thứ nhất chỉ số thứ tự của chương, số thứ 2 chỉ số thứ tự mục, số thứ 3 chỉ số thứ tự đề mục, số thứ tư chỉ số thứ tự tiểu mục. Ví dụ tiểu mục 3.4.2.1 dùng chỉ tiểu mục 1, nằm trong đề mục 2, mục 4 của chương 3. Tại mỗi đề mục có tối thiểu hai tiểu mục, tức không thể có đề mục 3.1.1 mà không có đề mục 3.1.2 tiếp theo.

Tham khảo cách trình bày tên và đánh số thứ tự của chương, mục, đề mục, tiểu mục dưới đây

**Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU**

**1.1 GIỚI THIỆU CHUNG VỀ VẬT LIỆU COMPOSITE**

**1.1.1 Vật liệu nền**

***1.1.1.1 Nền polymer***

..............................

***1.1.1.2 Nền polymer***

**1.1.2 Vật liệu cốt**

..............................

**I.2. Bố cục của ĐA/KLTN hoặc CĐTN**

***I.2.1. Bố cục chung***

Bố cục của ĐA/KLTN hoặc CĐTN được sắp xếp theo thứ tự và định dạng như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Đề mục phần trình bày** | **Định dạng** |
| 1 | Trang bìa chính |  |
| 2 | Trang bìa phụ |
| 3 | Quyết định giao ĐA/KLTN hoặc CĐTN |
| 4 | Phiếu theo dõi tiến độ và đánh giá ĐA/KLTN hoặc CĐTN của cán bộ hướng dẫn (CBHD) |
| 5 | Phiếu đánh giá ĐA/KLTN hoặc CĐTN của cán bộ chấm phản biện (CBCPB) |
| 6 | **Lời cam đoan của sinh viên về liêm chính học thuật** | Cỡ font 14, in hoa, đậm, đứng, giữa (nội dung cỡ font 13, không quá 1 trang) |
| 7 | **Lời cảm ơn** |
| 8 | **Tóm tắt khóa luận** |
| 9 | **Mục lục** | Cỡ font 14, in hoa, đậm, giữa (nội dung cỡ font 13) |
| 10 | **Danh mục hình vẽ, đồ thị** |
| 11 | **Danh mục bảng biểu** |
| 12 | **Danh mục các ký hiệu, từ viết tắt** |
| 13 | **Phần mở đầu** |
| 14 | Tên và nội dung của các chương  Tên và nội dung các mục  Tên và nội dung các đề mục  Tên và nội dung các tiểu mục | Định dạng trình bày theo mục 1.1 ở trên |
| 15 | **Tài liệu tham khảo** | Cỡ font 14, in hoa, đậm, giữa (nội dung cỡ font 13) |
| 16 | **Phần phụ lục** (nếu có)  **1. Phụ lục 1: Tên phụ lục**  Trình bày nội dung phụ lục  **2. Phụ lục 2** | Font chữ Time New Roman, cỡ 15, in hoa, đứng, đậm, đặt giữa trang  Font chữ Time New Roman, cỡ 13, in hoa, đậm, đứng, canh trái, đặt ngay dưới chữ Phần phụ lục |

***I.2.2. Bố cục và nội dung của các chương***

Tên, số lượng và nội dung các chương sẽ do giáo viên hướng dẫn và sinh viên thực hiện quyết định, tuy nhiên thường bao gồm các chương chính với nội dung cụ thể như sau.

**Phần mở đầu**

Phần này trình bày một cách ngắn gọn những thông tin cần thiết về đề tài đang nghiên cứu để từ đó để nêu lên được các nội dung chính như:: Tính cấp thiết, cũng như lý do vì sao lựa chọn nghiên cứu đề tài này; Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài nghiên cứu; Mục tiêu và mục đích nghiên cứu; Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu.

**Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu**

Chương này trình bày tổng quan về các công trình có liên quan đến vấn đề đang nghiên cứu. Từ đó rút ra các nhận xét, đánh giá về các kết quả đạt được, hạn chế của các nghiên cứu đã có và dựa trên cơ sở đó để xây dựng phương pháp và nội dung nghiên cứu của ĐA/KLTN hoặc CĐTN. Nên bắt đầu bằng việc nêu tóm tắt các phương pháp có thể sử dụng đối với vấn đề nghiên cứu này và trình bày lý do lựa chọn phương pháp giải quyết vấn đề đặt ra trong ĐA/KLTN hoặc CĐTN. Tùy theo nội dung nghiên cứu, trong phần này có thể phải mô tả về các bước thu thập thông tin, các nguồn số liệu sẽ sử dụng, cũng như tính hợp lý của các số liệu và của các phương pháp này. Phương pháp chọn mẫu và xử lý thông tin (nếu có) cũng nên được đề cập chi tiết trong phần này. Cuối chương này thường có một mô tả ngắn gọn về các vai trò, vị trí, nội dung của các chương, cũng như mối liên hệ giữa các chương trong ĐA/KLTN hoặc CĐTN.

**Chương 2. Cơ sở lý thuyết**

Chương này trình bày một cách ngắn gọn về các khái niệm, thuật ngữ và các cơ sở lý thuyết có liên quan mật thiết đến vấn đề nghiên cứu và đã được sử dụng trong ĐA/KLTN hoặc CĐTN. Lưu ý không nên chép lại cơ sở lý thuyết từ các tài liệu tham khảo mà chỉ nên trình bày một cách ngắn gọn, mang tính thống nhất giữa lý thuyết, giả thuyết, phương pháp và nội dung nghiên cứu, đồng thời lý giải lý do và cách áp dụng các cơ sở lý thuyết đã nêu để phục vụ cho phương pháp và nội dung nghiên cứu.

**Chương 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

Chương này trình bày những nội dung có liên quan đến quá trình thực hiện các nội dung nghiên cứu để giải quyết vấn đề đặt ra và những nhận xét, đánh giá đối với kết quả đã đạt được. Đối với các ĐA/KLTN hoặc CĐTN có nội dung tổ chức, phân tích và xử lý số liệu thực nghiệm thì có thể phân chia chương này thành hai chương là chương ”Nghiên cứu thực nghiệm” hoặc ”Phương pháp và vật liệu sử dụng cho nghiên cứu” và chương ”Kết quả nghiên cứu và thảo luận” như đã nêu.

**Chương 4. Kết luận và kiến nghị**

Chương này trình bày tổng hợp về các kết quả đã đạt được trong ĐA/KLTN hoặc CĐTN và dựa trên cơ sở đó phân tích, bình luận về những đóng góp của đề tài về mặt lý luận hay thực tiễn (nếu có) khi so sánh, đối chiếu với kết luận trong phần tổng quan tài liệu hoặc tổng quan lý thuyết. Từ đó đề xuất những kiến nghị của cá nhân đối với vấn đề đặt ra.

**I.4. Cách trích dẫn, cách ghi danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục**

Tất cả các nội dung (bảng biểu, hình vẽ, ý tưởng, khái niệm, các kết quả nghiên cứu…) không phải của tác giả phải được trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tài liệu trong danh mục tài liệu tham khảo của ĐA/KLTN hoặc CĐTN, nếu không sẽ được xem là đạo văn và không được bảo vệ. Nếu không có điểu kiện tiếp cận được tài liệu gốc mà phải trích dẫn thông qua một tài liệu khác thì phải nêu rõ cách trích dẫn này, đồng thời không liệt kê tài liệu gốc trong tài liệu tham khảo. Khi cần trích dẫn đoạn ngắn ít hơn 2 câu thì có thể sử dụng dấu ngoặc kép để mở đẫu và kết thúc phần trích dẫn, nếu cần trích dẫn dài hơn thì phải tách phần này thành một đoạn riêng khỏi phần nội dung đang trình bày, với lề trái lùi vào thêm 2cm và không phải sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc đoạn trích này. Tài liệu trích dẫn được đặt ngay sau nội dung được trích dẫn, theo số thự tự tài liệu ở danh mục tài liệu tham khảo đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang ví dụ [12. Tr.73] là trích dẫn ở trang 73 của tài liệu thứ 12 trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đối với phần trích dẫn từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau thì đặt số thứ tự của từng tài liệu độc lập trong từng ngoặc vuông, cách nhau dấu phẩy và theo thứ tự tăng dần, ví dụ [15], [18], [21]...

Phần phụ lục bao gồm những nội dung cần thiết nhằm minh họa hoặc bổ trợ cho nội dung của ĐA/KLTN hoặc CĐTN, ví dụ như số liệu, biểu bảng mẫu, hình ảnh, chương trình máy tính, các mẫu phiếu điều tra, thăm dò ý kiến, các tính toán mẫu trình bày tóm tắt trong các bảng biểu… Phụ lục không được dày hơn phần chính của ĐA/KLTN hoặc CĐTN.

Tài liệu tham khảo được phân nhóm riêng theo từng ngôn ngữ Việt và các ngôn ngữ khác, và được sắp xếp theo đúng thứ tự ABC đối với họ tên tác giả tùy theo thông lệ của từng quốc gia. Nếu như tác giả là người Việt Nam thì giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam và sắp xếp thứ tự ABC theo tên tác giả, tác giả là người nước ngoài thì xếp thứ tự ABC theo họ. Các tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC theo từ đầu của tên cơ quan ban hành. Nếu tài liệu tham khảo là sách, luận văn, luận án hay báo cáo thì ghi đầy đủ thông tin theo thứ tự: [Số thứ tự] Tên các tác giả (Năm công bố), *Tên của tài liệu (in nghiêng)*, Tên của nhà xuất bản/ Luận văn/Luận án, trang (nếu có). Nếu tài liệu tham khảo là bài báo/báo cáo khoa học phải ghi đủ thông tin theo thứ tự sau: [Số thứ tự] Tên các tác giả (Năm công bố), *Tên tài liệu (in nghiêng)*, Tên tạp chí, tập (nếu có), số của tạp chí, số trang.

Ví dụ:

**Đối với sách**

[1] Nguyễn Văn A (2016), *Vẽ kỹ thuật cơ khí*, NXB Nông nghiệp.

**Đối với Luận văn**

[2] Nguyễn Văn A (2016), *Nghiên cứu giải pháp giảm lượng khí thải từ xe ô tô vào môi trường*, Luận văn thạc sĩ.

**Đối với bài báo/báo cáo khoa học**

[3] Nguyễn Văn A (2016), *Nghiên cứu ảnh hưởng của khí thải từ xe ô tô đến sức khoẻ con người*, Tạp chí KHCN Thuỷ sản, số 2/2018, tr. 45-51.

[4] Levent Onal and Sabit Adanur (2002), *Effect of stacking sequence on the mechanical properties of glass–carbon hybrid composites before and after impact*, Journal of Industrial Textiles, Vol. 31, No. 4, pp. 225-271.

**II. ĐÁNH GIÁ ĐA/KLTN HOẶC CĐTN**

Quy trình và thủ tục đánh giá ĐA/KLTN hoặc CĐTN được thực hiện theo quy định hiện hành, theo hướng dẫn chi tiết đánh giá điểm theo Rubric cụ thể như sau.

**II.1. Đánh giá ĐA/KLTN**

***II.1.1. Khung đánh giá chung theo Rubric***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Người đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Nội dung đánh giá** |
| 1 | Cán bộ hướng dẫn (CBHD) | 10 | Xây dựng đề cương nghiên cứu |
| 10 | Tinh thần và thái độ làm việc |
| 10 | Kiến thức và kỹ năng làm việc |
| 40 | Nội dung và kết quả đạt được |
| 30 | Kỹ năng viết và trình bày báo cáo |
| 2 | Cán bộ chấm phản biện (CBPB) | 20 | Hình thức bản thuyết minh |
| 30 | Nội dung bản thuyết minh |
| 20 | Mức độ trích dẫn và sao chép |
| 30 | Kết quả nghiên cứu đạt được |
| 3 | Hội đồng bảo vệ (HĐBV) | 10 | Hình thức bản thuyết minh |
| 40 | Nội dung và kết quả đạt được |
| 20 | Kỹ năng viết và trình bày báo cáo tóm tắt |
| 30 | Mức độ thể hiện kiến thức và kỹ năng |
| 4 | **Đánh giá chung** | | **Điểm ĐA/KLTN = (Điểm của CBHD x 1 + Điểm của CBPB x 2 + Điểm trung bình của HĐ x 3)/6** |

***II.1. 2. Khung đánh giá chi tiết ĐA/KLTN theo Rubric***

Gồm3 mẫu cụ thể như sau:

Mẫu 1:Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho cán bộ hướng dẫn

Mẫu 2: Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho cán bộ chấm phản biện

Mẫu 3: Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho hội đồng bảo vệ

**II.2. Đánh giá CĐTN**

***II.2.1. Khung đánh giá chung theo Rubric***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Người đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Nội dung đánh giá** |
| 1 | Cán bộ hướng dẫn | 10 | Xây dựng đề cương nghiên cứu |
| 10 | Tinh thần và thái độ làm việc |
| 10 | Kiến thức và kỹ năng làm việc |
| 40 | Nội dung và kết quả đạt được |
| 30 | Kỹ năng viết và trình bày báo cáo |
| 2 | Cán bộ chấm phản biện  (Tổ chức vấn đáp sau khi chấm) | 10 | Hình thức bản thuyết minh |
| 30 | Nội dung bản thuyết minh |
| 10 | Mức độ trích dẫn và sao chép |
| 30 | Kết quả nghiên cứu đạt được |
| 20 | Mức độ thể hiện kiến thức |
| 4 | **Đánh giá chung** | | **Điểm CĐTN = (Điểm của CBHD x 1 + Điểm của 02 CBPB x 2)/5** |

***II.1. 2. Khung đánh giá chi tiết CĐTN theo Rubric***

Gồm2 mẫu cụ thể như sau:

Mẫu 4:Khung tiêu chí đánh giá CĐTN theo Rubric dành cho cán bộ hướng dẫn

Mẫu 5: Khung tiêu chí đánh giá CĐTN theo Rubric dành cho cán bộ chấm phản biện

**III. CÁC BIỂU MẪU KHÁC**

Các biểu mẫu tiếp theo được sử dụng trong việc theo dõi và đánh giá quá trình thực hiện ĐA/KLTN hoặc CĐTN của sinh viên, cụ thể như sau:

Mẫu 6: Phiếu theo dõi tiến độ và đánh giá ĐA/KLTN

Mẫu 7: Phiếu chấm điểm ĐA/KLTN

Mẫu 8: Phiếu chấm của Hội đồng bảo vệ ĐA/KLTN

Mẫu 9: Phiếu theo dõi tiến độ và đánh giá CĐTN

Mẫu 10: Phiếu chấm điểm CĐTN

**Mẫu 1. Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho  
Cán bộ hướng dẫn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Xây dựng đề cương nghiên cứu | 10 | Chủ động hoàn thành đề cương và có ý tưởng sáng tạo khi giải quyết vấn đề | Cần hỗ trợ để hoàn thành đề cương và có ý tưởng giải quyết vấn đề | Cần hỗ trợ nhiều mới có thể hoàn thành đầy đủ các mục trong đề cương | CBHD hỗ trợ nhiều nhưng vẫn không thể hoàn thành đủ các mục trong đề cương. |  |
| Tinh thần và thái độ  làm việc | 10 | Nghiêm túc, chủ động trình bày và bảo vệ quan điểm, thường xuyên trao đổi và báo cáo kết quả thực hiện | Nghiêm túc, có trình bày nhưng ít bảo vệ quan điểm, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương | Nghiêm túc, ít khi trình bày quan điểm, không thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương. | Không nghiêm túc và không trung thực, không trình bày và báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương. |  |
| Kiến thức và kỹ năng  làm việc | 10 | Chủ động vận dụng kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề, sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo nước ngoài. | Có sự hổ trợ mới vận dụng được kiến thức và kỹ năng cần thiết để giải quyết vấn đề, sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo | Cần nhiều sự hổ trợ mới vận dụng được kiến thức nhưng ít có kỹ năng giải quyết vấn đề, sử dụng được phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo. | Được hổ trợ nhiều nhưng ít vận dụng được kiến thức và kỹ năng để giải quyết vấn đê, không sử dụng được phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo |  |
| Nội dung và kết quả đạt được | 40 | Nội dung đáp ứng đầy đủ yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá mới của cá nhân, mức độ sao chép dưới 20% | Nội dung đáp ứng đủ yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá đúng, mức độ sao chép (20-30)% | Nội dung đáp ứng đủ yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá, mức độ sao chép (30-50)% | Nội dung không đáp ứng yêu cầu, kết quả chưa đủ tin cậy, không có nhận xét và đánh giá, mức độ sao chép trên 50% |  |
| Kỹ năng viết và trình bày  báo cáo | 30 | Trình bày đúng quy định, văn phong gọn gàng và súc tích, ít có lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (1-2) lần | Trình bày đúng quy định, văn phong gọn gàng, còn nhiều lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (2-3) lần | Trình bày đúng quy định, văn phong rườm rà, còn nhiều lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (3-4) lần. | Trình bày sai quy định, văn phong rườm rà và khó hiểu, nhiều lỗi nặng về văn phạm và chính tả, khó chỉnh sửa. |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

**Mẫu 2. Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho  
Cán bộ chấm phản biện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản  thuyết minh | 20 | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, hình và biểu bảng hợp lý, văn phong gọn gàng và súc tích, ít lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận rõ ràng, hình và biểu bảng hợp lý, văn phong gọn gàng, còn một số lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục chưa thật phù hợp, lập luận ít cơ sở, hình và biểu bảng rõ ràng, văn phong rườm rà nhưng hiểu được, nhiều lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày sai quy định, bố cục không hợp lý, lập luận không cơ sở, hình và biểu bảng sai, văn phong rườm rà gây quá khó hiểu, có nhiều lỗi nặng về văn phạm và chính tả |  |
| Nội dung bản  thuyết minh | 30 | Mục tiêu nghiên cứu có ý nghĩa khoa học và thực tiễn, tổng quan tài liệu có phân tích và đánh giá, phương pháp nghiên cứu phù hợp và hiện đại | Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng và có ý nghĩa thực tiễn, tổng quan tài liệu đầy đủ và có phân tích, phương pháp nghiên cứu phù hợp. | Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, có tổng quan tài liệu nhưng chưa đầy đủ và không phân tích, phương pháp nghiên cứu phù hợp | Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng, không có phần tổng quan tài liệu, phương pháp nghiên cứu không phù hợp. |  |
| Kết quả nghiên cứu | 20 | Kết quả đảm bảo độ tin cậy, thể hiện được quan điểm và tính sáng tạo của cá nhân, có giá trị khoa học và thực tiễn, kết luận đáp ứng đủ yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu | Kết quả đảm bảo độ tin cậy, có thể hiện được quan điểm của cá nhân, có giá trị thực tiễn, kết luận đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu. | Kết quả có cơ sở nhưng chưa đảm bảo độ tin cậy, ít thể hiện quan điểm cá nhân, ít có giá trị thực tiễn, kết luận chưa đáp ứng đủ yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu | Kết quả thiếu cơ sở và thiếu tin cậy, không thể hiện quan điểm cá nhân, không có giá trị thực tiễn, kết luận không đáp ứng được yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu. |  |
| Mức độ trích dẫn và  sao chép | 30 | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác dưới 20%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác (20-30)%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác (30-50)%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn sai quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác trên 50%, có trong cả phần kết quả đạt được |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

**Mẫu 3. Khung tiêu chí đánh giá ĐA/KLTN theo Rubric dành cho Hội đồng bảo vệ**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản  thuyết minh | 10 | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận chặt chẽ, hình và biểu bảng hợp lý, văn phong gọn gàng và súc tích, ít lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận rõ ràng, hình và biểu bảng hợp lý, văn phong gọn gàng, còn một số lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục chưa thật phù hợp, hình và biểu bảng rõ ràng, văn phong rườm rà nhưng hiểu được, nhiều lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày sai quy định, bố cục không hợp lý, hình và biểu bảng sai, văn phong rườm rà gây quá khó hiểu, nhiều lỗi nặng về văn phạm và chính tả |  |
| Nội dung và  kết quả đạt được | 40 | Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, tổng quan tài liệu có phân tích và đánh giá, phương pháp nghiên cứu phù hợp và hiện đại, kết quả tin cậy, có tính sáng tạo, có giá trị khoa học và thực tiễn, kết luận đáp ứng mục tiêu nghiên cứu | Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, tổng quan tài liệu đầy đủ và có phân tích, phương pháp nghiên cứu phù hợp, kết quả tin cậy, có quan điểm cá nhân, có giá trị thực tiễn, kết luận đáp ứng mục tiêu nghiên cứu. | Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, có tổng quan tài liệu nhưng chưa đủ và không phân tích, phương pháp nghiên cứu phù hợp, kết quả có cơ sở nhưng chưa tin cậy, ít có giá trị thực tiễn, kết luận chưa đáp ứng mục tiêu nghiên cứu | Mục tiêu nghiên cứu không rõ ràng, không có phần tổng quan tài liệu, phương pháp nghiên cứu không phù hợp, kết quả thiếu tin cậy, không có giá trị thực tiễn, kết luận không đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. |  |
| Kỹ năng viết và trình bày báo cáo tóm tắt | 20 | Báo cáo tóm tắt trình bày logic và đúng thời gian quy định, phong cách báo cáo tự tin, hấp dẫn người nghe, am hiểu sâu về vấn đề báo cáo. | Báo cáo tóm tắt trình bày đủ và đúng thời gian quy định, phong cách báo cáo tự tin, nắm vững được vấn đề báo cáo. | Báo cáo tóm tắt trình bày đầy đủ, đúng thời gian quy định, phong cách báo cáo chưa tự tin nhưng nắm được vấn đề báo cáo | Báo cáo trình bày phi logic, không theo thời gian quy định, phong cách báo cáo thiếu tự tin, không nắm được vấn đề báo cáo. |  |
| Mức độ thể hiện kiến thức và kỹ năng | 30 | Thể hiện được kiến thức và kỹ năng không cần gợi ý, trả lời được 100% câu hỏi của Hội đồng | Thể hiện được kiến thức và kỹ năng nhưng cần có gợi ý, trả lời trên 50% câu hỏi của Hội đồng | Ít thể hiện được kiến thức, kỹ năng và cần hổ trợ nhiều, trả lời được từ (30 – 50)% câu hỏi của Hội đồng | Không thể hiện kiến thức và kỹ năng, hổ trợ nhiều nhưng chỉ trả lời dưới 30% câu hỏi của Hội đồng. |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

**Mẫu 4. Khung tiêu chí đánh giá CĐTN theo Rubric dành cho Cán bộ hướng dẫn**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Xây dựng đề cương nghiên cứu | 10 | Chủ động hoàn thành được đề cương và có ý tưởng để giải quyết vấn đề | Cần có sự hỗ trợ từ CBHD để hoàn thành đề cương và có ý tưởng giải quyết vấn đề | Cần nhiều hỗ trợ từ CBHD mới có thể hoàn thành được đề cương. | Có sự hỗ trợ nhiều từ CBHD nhưng vẫn không hoàn thành được đủ các mục đề cương. |  |
| Tinh thần và thái độ  làm việc | 10 | Nghiêm túc, thường xuyên trình bày và bảo vệ quan điểm, thường xuyên tao đổi và báo cáo kết quả thực hiện. | Nghiêm túc, có trình bày nhưng ít bảo vệ quan điểm, thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương | Nghiêm túc, ít trình bày được quan điểm, không thường xuyên báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương. | Không nghiêm túc và không trung thực, không trình bày và báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương. |  |
| Kiến thức và kỹ năng  làm việc | 10 | Biết vận dụng các kiến thức và kỹ năng để giải quyết vấn đề, sử dụng được các phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo nước ngoài. | Có sự hổ trợ mới vận dụng được kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề, sử dụng được các phần mềm chuyên ngành và tài liệu tham khảo | Cần nhiều sự hổ trợ mới vận dụng được kiến thức nhưng ít có kỹ năng giải quyết vấn đề, sử dụng được phần mềm chuyên ngành. | Được hổ trợ nhiều nhưng ít vận dụng được kiến thức và kỹ năng để giải quyết vấn đê, không sử dụng được phần mềm chuyên ngành. |  |
| Nội dung và kết quả đạt được | 40 | Nội dung đáp ứng yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá cá nhân đúng, mức độ sao chép dưới 20% | Nội dung đáp ứng yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá đúng, mức độ sao chép (20-30)% | Nội dung đáp ứng yêu cầu, kết quả tin cậy, có nhận xét và đánh giá, mức độ sao chép (30-50)% | Nội dung không đáp ứng yêu cầu, kết quả chưa đủ tin cậy, không có nhận xét và đánh giá mức độ sao chép trên 50% |  |
| Kỹ năng viết và trình bày  báo cáo | 30 | Trình bày đúng theo quy định, văn phong gọn gàng và súc tích, ít lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (2-3) lần | Trình bày đúng theo quy định, văn phong gọn gàng, còn nhiều lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (3-4) lần | Trình bày đúng theo quy định, văn phong rườm rà, còn nhiều lỗi văn phạm và chính tả, chỉnh sửa (4-5) lần. | Trình bày sai quy định, văn phong rườm rà và khó hiểu, nhiều lỗi nặng về văn phạm và chính tả, khó chỉnh sửa. |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

**Mẫu 5. Khung tiêu chí đánh giá CĐTN theo Rubric dành cho Cán bộ chấm phản biện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản  thuyết minh | 10 | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận đúng và chặt chẽ,hình và biểu bảng rõ ràng, văn phong gọn gàng và dễ hiểu, ít lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục hợp lý, lập luận có cơ sở, hình và biểu bảng rõ ràng, văn phong gọn gàng, còn một số lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày đúng quy định, bố cục ít hợp lý, lập luận chưa chặt chẽ, hình và biểu bảng rõ ràng, văn phong rườm rà nhưng có thể hiểu, có nhiều lỗi văn phạm và chính tả. | Trình bày sai quy định, bố cục không hợp lý, lập luận thiếu cơ sở, hình và biểu bảng không rõ, văn phong rườm rà khó hiểu, có nhiều lỗi nặng về văn phạm và chính tả |  |
| Nội dung bản  thuyết minh | 30 | Phương pháp nghiên cứu phù hợp và hiện đại, kết luận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu | Phương pháp nghiên cứu phù hợp, kết luận đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu. | Phương pháp nghiên cứu chưa thật phù hợp, kết luận chưa đáp ứng đủ các yêu cầu về mục tiêu và nội dung nghiên cứu | Phương pháp nghiên cứu không tin cậy, kết luận không đáp ứng được mục tiêu và nội dung nghiên cứu. |  |
| Mức độ trích dẫn và  sao chép | 10 | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác dưới 20%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác (20-30)%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn đúng quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác (30-50)%, chủ yếu ở phần lý thuyết | Trích dẫn sai quy định, mức độ sao chép từ tài liệu khác trên 50%, có trong cả phần kết quả đạt được |  |
| Kết quả nghiên cứu đạt được | 30 | Kết quả đảm bảo độ tin cậy, thể hiện được quan điểm của cá nhân, có giá trị khoa học và thực tiễn. | Kết quả đảm bảo độ tin cậy, có thể hiện được quan điểm cá nhân, có giá trị thực tiễn. | Kết quả có cơ sở nhưng chưa tin cậy, ít thể hiện quan điểm cá nhân. ít có giá trị thực tiễn. | Kết quả thiếu cơ sở hoặc sao chép, không thể hiện quan điểm cá nhân, không có giá trị thực tiễn. |  |
| Mức độ thể hiện kiến thức | 20 | Thể hiện được kiến thức và kỹ năng không cần gợi ý, trả lời được 100% câu hỏi của các CBCPB | Thể hiện được kiến thức và kỹ năng nhưng cần có gợi ý, trả lời trên 50% câu hỏi của các CBCPB | Ít thể hiện được kiến thức, kỹ năng và cần hổ trợ nhiều, trả lời được từ (30 – 50)% câu hỏi của các CBCPB | Không thể hiện được kiến thức và kỹ năng, hổ trợ nhiều nhưng chỉ trả lời được dưới 30% câu hỏi của các CBCPB |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**MẪU 6**

**Khoa/Viện**:…………………………….

**PHIẾU THEO DÕI TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN / KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP  
*(Dùng cho CBHD và nộp cùng báo cáo ĐA/KLTN của sinh viên)***

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Họ và tên sinh viên: …………………………………Mã sinh viên:

Người hướng dẫn (học hàm, học vị, họ và tên):

Cơ quan công tác:

**Phần đánh giá và cho điểm của người hướng dẫn (tính theo thang điểm 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Xây dựng đề cương nghiên cứu | 10 |  |  |  |  |  |
| Tinh thần và thái độ làm việc | 10 |  |  |  |  |  |
| Kiến thức và kỹ năng làm việc | 10 |  |  |  |  |  |
| Nội dung và kết quả đạt được | 40 |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng viết và trình bày báo cáo | 30 |  |  |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

*Ghi chú: Điểm tổng làm tròn đến 1 số lẻ.*

**Nhận xét chung** (sau khi sinh viên hoàn thành ĐA/KLTN):

…………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………….Đồng ý cho sinh viên: Được bảo vệ:  Không được bảo vệ: 

*Khánh Hòa, ngày…….tháng…….năm………* **Cán bộ hướng dẫn** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**MẪU 7**

**Khoa/Viện:……………………………….**

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM ĐỒ ÁN/ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

***(Dành cho cán bộ chấm phản biện)***

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Họ và tên sinh viên: …………………………………Mã sinh viên:

Người phản biện (học hàm, học vị, họ và tên):

Cơ quan công tác:

**I. Phần đánh giá và cho điểm của người phản biện (tính theo thang điểm 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản thuyết minh | 20 |  |  |  |  |  |
| Nội dung bản  thuyết minh | 30 |  |  |  |  |  |
| Mức độ trích dẫn và sao chép | 20 |  |  |  |  |  |
| Kết quả nghiên cứu | 30 |  |  |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

*Ghi chú: Điểm tổng làm tròn đến 1 số lẻ.*

**Kết luận:**

Đồng ý cho sinh viên: Được bảo vệ:  Không được bảo vệ: 

*Khánh Hòa, ngày…….tháng………năm………..* **Cán bộ chấm phản biện** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

**II. Phần nhận xét cụ thể (dựa theo phiếu chấm điểm và khung tiêu chí đánh giá theo Rubric)**

**II.1. Hình thức thuyết minh (tỉ trọng 30%)**

***\* Trình bày*** *(Rõ ràng, mạch lạc? Biểu bảng, hình vẽ trình bày rõ ràng, đúng quy cách?…)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

***\* Bố cục và lập luận*** *(Bố cục hợp lý? Tỉ trọng giữa các phần? Cơ sở lập luận?...)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

***\* Văn phong*** *(Gọn gàng, súc tích hay rườm rà, khó hiểu? Lỗi văn phạm và chính tả?…)*

……………………………………………………………………………………………………

**II.2. Nội dung thuyết minh** (tỉ trọng 30%)

***\* Mục tiêu nghiên cứu*** *(Trình bày rõ ràng? Ý nghĩa khoa học và thực tiễn? Tính khả thi?...)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

***\* Tổng quan tài liệu*** *(Phân tích và đánh giá? Độ tin cậy và chất lượng nguồn tài liệu?…)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

***\* Phương pháp nghiên cứu* (***Hiện đại?**Phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu? Mô tả? Đánh giá và so sánh với các phương pháp khác?…)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

**II.3. Kết quả nghiên cứu (**tỉ trọng 20%)

***\* Kết quả đạt được*** *(Độ**tin cậy? Tính sáng tạo? Giá trị khoa học và thực tiễn?...)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

***\* Kết luận*** *(Đáp ứng mục tiêu nghiên cứu? Quan điểm của cá nhân? ...)*

……………………………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………………………

**4. MỨC ĐỘ TRÍCH DẪN VÀ SAO CHÉP** (tỉ trọng 20%)

**\* Mức độ trích dẫn *(****Đúng quy định? Trung thực, đầy đủ, rõ ràng?Sắp xếp tài liệu tham khảo?...)*

……………………………………………………………………………………………………

**\* Mức độ sao chép** *(Tỉ lệ sao chép? Hình thức sao chép?...)*

……………………………………………………………………………………………………

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**Khoa/Viện:……………………………….**

**MẪU 8**

**PHIẾU CHẤM CỦA HỘI ĐỒNG BẢO VỆ ĐA/KLTN  
(Dùng cho thành viên Hội đồng bảo vệ ĐA/KLTN)**

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Họ và tên sinh viên: …………………………………Mã sinh viên:

Họ tên thành viên HĐ:

Chủ tịch:  Thư ký:  Ủy viên: 

Cơ quan công tác:

**Phần đánh giá và cho điểm của thành viên hội đồng (tính theo thang điểm 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản  thuyết minh | 10 |  |  |  |  |  |
| Nội dung và  kết quả đạt được | 40 |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng viết và trình bày báo cáo tóm tắt | 20 |  |  |  |  |  |
| Mức độ thể hiện kiến thức và kỹ năng | 30 |  |  |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

*Ghi chú: Điểm tổng làm tròn đến 1 số lẻ.*

*Khánh Hòa, ngày…….tháng…….năm………* **Cán bộ chấm điểm** *(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**MẪU 9**

**Khoa/Viện**:…………………………….

**PHIẾU THEO DÕI TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP  
*(Dùng cho CBHD và nộp cùng báo cáo CĐTN của sinh viên)***

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Họ và tên sinh viên: …………………………………Mã sinh viên:

Người hướng dẫn (học hàm, học vị, họ và tên):

Cơ quan công tác:

**Phần đánh giá và cho điểm của người hướng dẫn (tính theo thang điểm 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Xây dựng đề cương nghiên cứu | 10 |  |  |  |  |  |
| Tinh thần và thái độ làm việc | 10 |  |  |  |  |  |
| Kiến thức và kỹ năng làm việc | 10 |  |  |  |  |  |
| Nội dung và kết quả đạt được | 40 |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng viết và trình bày báo cáo | 30 |  |  |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

*Ghi chú: Điểm tổng làm tròn đến 1 số lẻ.*

**Nhận xét chung** (sau khi sinh viên hoàn thành CĐTN):

…………………………………………………………………………………………….……

……………………………………………………………………………………….…………

………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………………….

Đồng ý cho sinh viên: Được chấm phản biện:  Không được chấm phản biện: 

*Khánh Hòa, ngày…….tháng…….năm………*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG**

**MẪU 10**

**Khoa/Viện:……………………………….**

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM CHUYÊN ĐỀ TỐT NGHIỆP  
*(Dành cho cán bộ chấm phản biện)***

Tên đề tài:

Chuyên ngành:

Họ và tên sinh viên: …………………………………Mã sinh viên:

Người phản biện (học hàm, học vị, họ và tên):

Cơ quan công tác:

**Phần đánh giá và cho điểm của người phản biện (tính theo thang điểm 10)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Trọng số**  **(%)** | **Mô tả mức chất lượng** | | | | **Điểm** |
| **Giỏi** | **Khá** | **Đạt yêu cầu** | **Không đạt** |
| **9 - 10** | **7 - 8** | **5 - 6** | **< 5** |
| Hình thức bản  thuyết minh | 10 |  |  |  |  |  |
| Nội dung bản  thuyết minh | 30 |  |  |  |  |  |
| Mức độ trích dẫn và sao chép | 10 |  |  |  |  |  |
| Kết quả nghiên cứu đạt được | 30 |  |  |  |  |  |
| Mức độ thể hiện kiến thức | 20 |  |  |  |  |  |
| **ĐIỂM TỔNG** | | | | | |  |

*Ghi chú: Điểm tổng làm tròn đến 1 số lẻ.*

*Khánh Hòa, ngày……… tháng……năm………..*

**Cán bộ chấm phản biện**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*